



Lenovo IdeaPad 5 15IIL05 Intel® Core™ i3 i3-1005G1 Laptop 39,6 cm (15.6") Full HD 8 GB DDR4-SDRAM 128 GB SSD Wi-Fi 5 (802.11ac) Windows 10 Home in S mode Tiếng Bồ Đào Nha Màu xám

Nhãn hiệu : Lenovo

Họ sản phẩm: IdeaPad

Mã sản phẩm: 81YK00VSPG

Tên mẫu : IdeaPad 5 15IIL05

Lenovo IdeaPad 5 15IIL05. Sản Phẩm: Laptop, Hệ số hình dạng: Loại gấp. Họ bộ xử lý: Intel® Core™ i3, Model vi xử lý: i3-1005G1, Tốc độ bộ xử lý: 1,2 GHz. Kích thước màn hình: 39,6 cm (15.6"), Kiểu HD: Full HD, Độ phân giải màn hình: 1920 x 1080 pixels. Bộ nhớ trong: 8 GB, Loại bộ nhớ trong: DDR4-SDRAM. Tổng dung lượng lưu trữ: 128 GB, Phương tiện lưu trữ: SSD. Model card đồ họa on-board: Intel® UHD Graphics. Hệ điều hành cài đặt sẵn: Windows 10 Home in S mode. Màu sắc sản phẩm: Màu xám



Thiết kế		Cổng giao tiếp	
Tên màu	Platinum Grey	Số lượng cổng USB 3.2 Gen 1 (3.1 Gen 1) Type-C *	1
Sản Phẩm *	Laptop	Số lượng cổng HDMI *	1
Màu sắc sản phẩm *	Màu xám	Phiên bản HDMI	1.4b
Hệ số hình dạng *	Loại gấp	Cổng kết hợp tai nghe/mic	✓
Màn hình		Chế độ Thay thế DisplayPort USB Type-C	✓
Kích thước màn hình *	39,6 cm (15.6")	Chức năng Ngủ và Sạc USB	✓
Độ phân giải màn hình *	1920 x 1080 pixels	Hiệu suất	
Màn hình cảm ứng *	✗	Chipset bo mạch chủ	Intel SoC
Kiểu HD	Full HD	Bàn phím	
Loại bảng điều khiển	TN	Thiết bị chỉ điểm	Chuột cảm ứng
Đèn LED phía sau	✓	Bàn phím số *	✓
Tỉ lệ khung hình thực	16:9	Ngôn ngữ bàn phím	Tiếng Bồ Đào Nha
Màn hình chống lóa	✓	Phần mềm	
Độ sáng màn hình	250 cd/m²	Phần mềm dùng thử	Office
Bộ xử lý		Hệ điều hành cài đặt sẵn *	Windows 10 Home in S mode
Hãng sản xuất bộ xử lý *	Intel	Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Họ bộ xử lý *	Intel® Core™ i3	Công nghệ Thực thi tin cậy Intel®	✗
Thế hệ bộ xử lý	10th gen Intel® Core™ i3	VT-x của Intel với công nghệ Bảng Trang Mở rộng (EPT)	✓
Model vi xử lý *	i3-1005G1	Intel® TSX-NI	✗
Số lõi bộ xử lý	2	Chương trình Nền tảng Hình ảnh Ổ định của Intel® (SIPP)	✗
Tần số turbo tối đa	3,4 GHz	Mở Rộng Bảo Vệ Phần Mềm Intel® (Intel®SGX)	✓
Tốc độ bộ xử lý *	1,2 GHz	Kiến trúc Intel® 64	✓
TDP-down có thể cấu hình	13 W	Tính năng bảo mật Execute Disable Bit	✓
Tần số TDP-down có thể cấu hình	0,9 GHz	Trạng thái Chờ	✓
Bộ nhớ		Cấu hình bộ xử lý trung tâm (tối đa)	1
Bộ nhớ trong *	8 GB	Các tùy chọn nhúng sẵn có	✗
Loại bộ nhớ trong	DDR4-SDRAM		
Tốc độ xung nhịp bộ nhớ	3200 MHz		
Hệ số bộ nhớ tiêu chuẩn	On-board		
Bộ nhớ trong tối đa *	8 GB		
Dung lượng			
Tổng dung lượng lưu trữ *	128 GB		

Dung lượng		Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Phương tiện lưu trữ *	SSD	Intel® Virtualization Technology for Directed I/O (VT-d)	✓
Tổng dung lượng ổ cứng SSD	128 GB	Công nghệ Intel Virtualization (VT-x)	✓
Số lượng ổ SSD được trang bị	1		
Dung lượng ổ cứng thể rắn (SSD)	128 GB		
Chuẩn giao tiếp ổ cứng thể rắn (SSD)	PCI Express		
Hệ số hình dạng ổ SSD	M.2		
Loại ổ đĩa quang *	✗		
Đầu đọc thẻ được tích hợp	✓		
Thẻ nhớ tương thích	MMC, SD, SDHC, SDXC		
Đồ họa		Pin	
Model card đồ họa rời *	Không có	Công nghệ pin	Lithium Polymer (LiPo)
Card đồ họa on-board *	✓	Công suất pin *	45 Wh
Card đồ họa rời *	✗	Tuổi thọ pin (tối đa)	15 h
Model card đồ họa on-board *	Intel® UHD Graphics		
Âm thanh		Điện	
Hệ thống âm thanh	Dolby Audio	Công suất của bộ nguồn dòng điện xoay chiều	65 W
Số lượng loa gắn liền	2	USB Power Delivery	✓
Công suất loa	2 W		
Micrô gắn kèm	✓		
Số lượng micrô	2		
Máy ảnh		Bảo mật	
Camera trước	✓	Đầu đọc dấu vân tay	✗
Loại độ phân giải HD camera trước	HD	Trusted Platform Module (TPM)	✓
Camera riêng tư	✓	Mã pin bảo vệ	✓
Loại riêng tư	Nắp che camera Privacy shutter	Bảo vệ bằng mặt khóa	HDD, Khởi động, Supervisor
hệ thống mạng		Điều kiện hoạt động	
Tiêu chuẩn Wi-Fi *	Wi-Fi 5 (802.11ac)	Nhiệt độ cho phép khi vận hành (T-T)	5 - 35 °C
Chuẩn Wi-Fi	802.11a, 802.11b, 802.11g, Wi-Fi 4 (802.11n), Wi-Fi 5 (802.11ac)	Nhiệt độ lưu trữ (T-T)	5 - 43 °C
Kết nối mạng di động *	✗	Độ ẩm tương đối để vận hành (H-H)	8 - 95 phần trăm
Loại ăngten	2x2	Độ ẩm tương đối để lưu trữ (H-H)	5 - 95 phần trăm
Kết nối mạng Ethernet / LAN	✗		
Bluetooth	✓		
Phiên bản Bluetooth	5.0		
Cổng giao tiếp		Chứng nhận	
Số lượng cổng USB 3.2 Gen 1 (3.1 Gen 1)Type-A *	2	Các loại giấy chứng nhận phù hợp	RoHS
		Chứng nhận	ErP lot3
		Tính bền vững	
		Chứng chỉ bền vững	NGÔI SAO NĂNG LƯỢNG
		Trọng lượng & Kích thước	
		Chiều rộng	356,7 mm
		Độ dày	233,1 mm
		Chiều cao (phía trước)	1,79 cm
		Chiều cao (phía sau)	1,99 cm
		Trọng lượng *	1,66 kg



0195713178440



195713178440

Catalog Object Cloud



Disclaimer. The information published here (the "Information") is based on sources that can be considered reliable, typically the manufacturer, but this Information is provided "AS IS" and without guarantee of correctness or completeness. The Information is only indicative and can be changed at any time without notification. No rights can be based on the Information. Suppliers or aggregators of this Information do not accept any liability with regard to the content of (web)pages and other documents, including its Information. The publisher of the Information can not be held liable for the content of 3rd party websites that are linking this Information or are linked to from this Information. You as the User of the Information are solely responsible for the choice and usage of this Information. You are not entitled to transfer, copy or otherwise multiply or distribute the Information. You are obliged to follow the directions of the copyright owner(s) with regard to the use of the Information. Exclusively Dutch law is applicable. With regard to price and stock data on the site, the publisher followed a number of starting points, which are not necessarily relevant for your private or business circumstances. Therefore, the price and stock data are only indicative and are subject to changes. You are personally responsible for the way you use and apply this information. As a user of the Information or sites or documents in which this Information is included, you will adhere to standard fair use including avoidance of spamming, ripping, intellectual-property violations, privacy violations, and any other illegal activity.